TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/8/2017.
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Ngọc Tươi.

2. Bà Cao Thị Én.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Trang – kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường D – Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Kiều N**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Trọng Đ**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Arlington, TX 76002, USA.

(Chị N có mặt, anh Đ Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, chị đã đăng ký kết hôn với anh Phạm Trọng Đ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2013, quyển số 01/2013, ngày 25/5/2013, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị có tổ chức tiệc đám cưới với sự tham dự của gia đình và bạn bè.

Sau một thời gian ngắn chung sống với nhau, anh chị thường xảy ra những mâu thuẫn và bất đồng ý kiến. Sau đó vào tháng 5/2016, anh Đ sang Hoa kỳ theo diện đoàn tụ gia đình. Từ ngày sang Hoa Kỳ, anh Đ không liên lạc về cho chị, chị cũng không liên lạc được với anh Đ. Do ở xa nên tình cảm giữa anh chị lạnh nhạt dần và chị cảm thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhận không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Đ đã không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để chị có thể xây dựng hạnh phúc mới.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Trọng H, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 01/5/2016. Hiện nay, các con đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải chu cấp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin đồng ý ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Trọng Đ trình bày:

Về hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị Vũ Thị Kiều N.

Anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Kiều N. Anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành.

Anh xin được vắng mặt kể từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết xong vụ án vì bận công việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Quá trình sống chung, chị N, anh Đ thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Vợ chồng không ở chung và không liên lạc, quan tâm lẫn nhau từ tháng 5/2016 đến nay, tình cảm lạnh nhạt dần nên mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: 02 con chung là Phạm Trọng H, sinh ngày 17/12/2013 và Phạm Bảo H, sinh ngày 01/5/2016 đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ

và anh Đ cũng đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng, nên giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung nên tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Kiều N có hộ khẩu thường trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; anh Phạm Trọng Đ có quốc tịch Việt Nam nhưng đang định cư tại Hoa kỳ. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Trọng Đ đã có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, và đơn xin vắng mặt này đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Trọng Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Kiều N và anh Phạm Trọng Đ đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2013, ngày 25/5/2013, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Vũ Thị Kiều N và anh Phạm Trọng Đ thống nhất trình bày, anh chị sống chung với nhau trong một thời gian ngắn sau khi kết hôn. Anh chị thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn và bất đồng với nhau. Sau đó, anh Đ sang Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình. Do ở xa nên tình cảm của anh chị phai nhạt dần và anh chị cảm thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Theo như trình bày của các đương sự thì yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị Kiều N đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị Kiều N.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị Kiều N và anh Phạm Trọng Đ thống nhất trình bày có 02 con chung là cháu Phạm Trọng H, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 01/5/2016. Hiện nay, các con đang ở với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con, anh Đ đồng ý để chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, chấp nhận để chị Vũ Thị

Kiều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và tạm thời anh Phạm Trọng Đ không phải cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị Kiều N, anh Phạm Trọng Đ thống nhất không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 37, 147, 228, 469, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị Kiều N về tranh chấp: "Ly hôn", chị Vũ Thị Kiều N được ly hôn với anh Phạm Trọng Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Trọng H, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 01/5/2016 cho chị Vũ Thị Kiều N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh Phạm Trọng Đ không phải cấp dưỡng cho con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 009975, ngày 25/5/2017, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, được trừ vào số tiền án phí chị N phải nộp.

Chị Vũ Thị Kiều N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm Trọng Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01

tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Luyến